TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH BÌNH PHƯỚC

Bản án số:30/2018/DSST
Ngày: 11/9/2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quốc Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Quang Phú

2. Bà Trần Xuân Đạm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kỷ là thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Mai - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 tháng 8 năm 2018 và ngày 11 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:49/2018/TLST-DSST ngày 02 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2018/QĐXX-ST ngày 09 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1961

Địa chỉ: ấp Tân Lợi, xã Tân Thành, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Phạm Đức H, sinh năm 1967, trú tại địa chỉ khu phố Ninh Phước, thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 28/5/2018) (có mặt)

2. Bị đơn: Bà Đặng Kim Th, sinh năm 1970 (vắng mặt ngày 20/8/2018, có mặt ngày 11/9/2018)

Hộ khẩu thường trú: ấp Hiệp Hoàn, xã Lộc Hiệp, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Địa chỉ hiện nay: 28/6 Thới Tây 1, xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 5 năm 2018, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Đức H trình bày:

Vào ngày 20/6/2014 âm lịch, bà Nguyễn Thị Đ cho bà Đặng Kim Th vay số tiền 400.000.000đ, khi vay có làm giấy vay tiền do bà Th ký tên. Thỏa thuận thời hạn trả nợ vào cuối tháng 11 năm 2015 âm lịch là ngày 30/11/2015 âm lịch, về lãi thỏa thuận 4%/tháng. Khi vay tiền bà Th có giao cho bà Đ 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00060 cấp ngày 30/12/2003 đứng tên bà Đặng Kim Th ,ông Phương Huỳnh Đ và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 680197 đứng tên bà Đặng Thị Kim Th để làm tin. Từ khi vay đến nay bà Th chưa trả tiền nợ gốc và tiền lãi cho bà Đ.

Bà Đ khởi kiện yêu cầu bà Th trả số tiền 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng) và yêu cầu tiền lãi 10%/năm tính từ ngày vay đến ngày tòa án giải quyết. Về việc bà Đ đang giữ 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Th thì bà Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bà Đ yêu cầu bà Th trả số tiền vay 400.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 20/6/2014 đến ngày Tòa án giải quyết với lãi suất 15%/năm. Đồng thời người đại diện ủy quyền của bà Đ cho rằng ngày cho vay và ngày hẹn trả nợ là cuối tháng 11 năm 2015 tức là ngày 30/11/2015 trong giấy vay tiền giữa bà Đ và bà Th là ngày âm lịch.

Tại bản tự khai, lời trình bày tại phiên hòa giải và tại phiên tòa ngày 11/9/2018 bị đơn bà Đặng Kim Th trình bày:

Bà Đặng Kim Th thừa nhận vào ngày 20/6/2014 âm lịch tức là ngày 16/7/2014 dương lịch bà Th có vay của bà Đ số tiền 400.000.000đ, khi vay có làm giấy vay tiền do bà Th ký tên. Thỏa thuận thời hạn trả nợ vào cuối tháng 11 năm 2015 âm lịch là ngày 30/11/2015 âm lịch tức là ngày 09/01/2016 dương lịch, về lãi thỏa thuận 4%/tháng. Khi vay tiền bà Th có thế chấp cho bà Đ 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00060 cấp ngày 30/12/2003 đứng tên bà Đặng Kim Th, ông Phương Huỳnh Đ và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 680197 đứng tên bà Đặng Thị Kim Th để làm tin. Từ khi vay đến nay bà Th chưa trả tiền nợ gốc và tiền lãi cho bà Đ. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đ thì bà Th chỉ đồng ý trả số tiền nợ gốc 400.000.000đ cho bà Đ, còn tiền lãi thì do hoàn cảnh khó khăn nên bà Th không đồng ý trả tiền lại cho bà Đ.

Đối với việc bà Đ đang giữ 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Th thì hiện bà Th chưa có tiền trả cho bà Đ nên bà Th không có ý kiến và không có yêu cầu gì đối với việc bà Đ đang giữ 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên. Nay bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giữa bà Đ và bà Th. Hiện tại ông Phương Huỳnh Đ là chồng của bà Th đã chết ngày 16/7/2017, các người con của bà Th, ông Đức đang sống ở Bình Dương nhưng không biết cụ thể địa chỉ ở đâu.

Tại phiên tòa người người đại diện theo ủy quyền của bà Đ yêu cầu bà Th trả số tiền vay 400.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 20/6/2014 âm lịch đến ngày Tòa án giải quyết với lãi suất 15%/năm thì bà Th đồng ý trả số tiền vay 400.000.000đ còn tiền lãi bà Th xin bà Đ không phải trả lãi.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ đã thực hiện đúng quy định tại 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như: Thẩm quyền thụ lý đúng quy định Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Xác định đúng tư các người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ 93 đến 97 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn xét xử vụ án chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

- Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 239, 240, 241, 242, 243, 246, 247, 249, 250, 251, 252, 253, 254, 255, 256, 257, 259, 260 và Điều 263 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự thủ tục của phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo việc hỏi tại phiên tòa và cho đương sự được quyền phát biểu tranh luận.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều Điều 162, 471, Điều 474 và Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005;

Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc ngân hàng nhà nước Việt Nam

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ

Buộc bà Đặng Kim Th phải trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền nợ gốc 400.000.000 đồng và tiền lãi suất 149.500.000 đồng. Tổng cộng bà Th phải trả cho bà Đ là 549.500.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Đ yêu cầu bà Đặng Kim Th trả số tiền nợ gốc 400.000.000đ Hội đồng xét xử nhận thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Đặng Kim Th đều thừa nhận vào ngày 20/6/2014 âm lịch có vay của bà Nguyễn Thị Đ số tiền 400.000.000đ, thỏa thuận thời hạn trả nợ và cuối tháng 11 năm 2015 âm lịch và đến nay vẫn chưa trả số tiền trên cho bà Đ là đã vi phạm thời hạn trả nợ.

Khi vay tiền thì hai bên có viết giấy vay tiền và bà Th ký tên. Theo quy định tại khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn do đó bà Th đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho bà Đ.

Nên xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ có căn cứ. Cần buộc bà Đặng Kim Th phải trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền nợ 400.000.000đ.

[2] Đối với việc bà Nguyễn Thị Đ yêu cầu bà Đặng Kim Th trả số tiền lãi tính từ ngày vay đến ngày Tòa án xét xử với lãi suất 15%/năm. Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bà Đ và bà Th thống nhất ngày vay tiền 20/6/2014 âm lịch tức ngày 16/7/2014 dương lịch, ngày đến hạn trả nợ cuối tháng 11 năm 2014 âm lịch tức là ngày 30/11/2014 âm lịch nhằm ngày 09/01/2016 dương lịch.

Theo quy định tại khoản 5 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: *"Trong trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi trên nợ gốc và lãi nợ quá hạn theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ"*

Cũng theo quy định tại Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định " *Lãi suất vay do các bên thoả thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng*"

Theo quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc ngân hàng nhà nước Việt Nam thì mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố là 0,75 %/ tháng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Đ cho bà Th vay tiền, hai bên thỏa thuận thời hạn vay từ ngày 16/7/2014 đến ngày 09/01/2016 với mức lãi suất 4%/tháng. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bà Đ yêu cầu bà Th phải trả tiền lãi 15%/năm. Tuy nhiên theo quy định tại Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định mức lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước công bố. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận mức lãi suất trong hạn vay bằng 150% nhân với lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước công bố. Từ ngày 10/01/2016 cho đến nay (11/9/2018) là khoảng thời gian quá thời hạn trả tiền vay nhưng bà Th vẫn không trả cho bà Đ nên bà Th phải chịu tiền lãi nợ quá hạn từ ngày 10/01/2016 đến ngày 11/9/2018. Mức lãi suất nợ quá hạn theo quy định tại khoản 5 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 và quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc ngân hàng nhà nước Việt Nam thì mức lãi suất là 0,75 %/ tháng. Tiền lãi trong hạn và tiền lãi nợ quá hạn được tính như sau:

- Tiền lãi trong thời hạn vay được tính: Từ ngày 16/7/2014 đến ngày 09/01/2016 là 17 tháng 23 ngày nên số tiền lãi là 400.000.00đ x 17 tháng 23 ngày x 0.75x150%/tháng= 79.950.000đ.

- Tiền lãi nợ quá hạn được tính : Từ ngày 10/01/2016 đến ngày 11/9/2018 là 32 tháng nên số tiền lãi nợ quá hạn là 400.000.000đ x 32 tháng x 0,75%/tháng = 96.000.000đ.

Tổng tiền lãi là 175.950.000đ.

Số tiền lãi người đại diện ủy quyền của bà Đ yêu cầu từ ngày vay là ngày 16/7/2014 đến ngày Tòa án xét xử (11/9/2018) là 4 năm 01 tháng 25 ngày, lãi suất 15%/năm với số tiền lãi là 249.166.666đ.

Do Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận buộc bà Th trả cho bà Đ số tiền lãi là 175.950.000đ. Số tiền lãi không được chấp nhận là 249.166.666đ - 175.950.000đ = 73.216.666đ.

[3] Đối với việc Nguyễn Thị Đ cầm cố 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Đặng Kim Th và ông Phương Huỳnh Đ. Hiện tại ông Phương Huỳnh Đ đã chết. Đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án bà Th và bà Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cầm cố giấy chứng nhận trên. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí**:** Căn cứ khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: *"Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận"*.

Bà Đặng Kim Th phải chịu án phí trên số tiền 575.950.000đ tương ứng số tiền án phí là 20.000.000đ + 4% phần vượt quá 400.000.000đ = 27.038.000đ.

Bà Phạm Thị Đức phải chịu án phí trên số tiền 73.216.666đ không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tương ứng số tiền án phí là 73.216.666đ x 5% = 3.660.833đ.

- Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 471, khoản 1 và khoản 5 Điều 474, khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005.

- Căn cứ Điều 147, 227, 228, 229 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 .

- Căn cứ Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc ngân hàng nhà nước Việt Nam

- Căn cứ khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ

Buộc bà Đặng Kim Th trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền nợ gốc 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng) và tiền lãi 175.950.000đ (một trăm bảy mươi lăm triệu, chín trăm năm mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và khi có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất được

xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí.

Buộc bà Đặng Kim Th phải chịu 27.038.000đ (hai mươi bảy triệu, không trăm ba mươi tám ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 3.660.833đ (ba triệu, sáu trăm sáu mươi ngàn, tám trăm ba mươi ba đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 13.200.000đ bà Đ đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005975 ngày 02 tháng 7 năm 2018. Sau khi khấu trừ Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Lộc Ninh trả lại cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền 9.539.167đ (chín triệu, năm trăm ba mươi chín ngàn, một trăm sáu mươi bảy đồng)

3.*"Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự"*

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

<u>Nơi nhận</u> :
-TAND tỉnh Bình Phước
-VKS huyện Lộc Ninh
- Các đương sự.
- THA DS huyện Lộc Ninh
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Quốc Tú